



**Báo cáo tài chính hợp nhất  
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG  
THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH VÀ CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
đã được kiểm toán**

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail:infor@aascs.com.vn Website:www.aascs.com.vn

## **MỤC LỤC**

| <b>Nội dung</b>                                 | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                   | 03 - 05      |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP               | 06           |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT                      |              |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 07 - 08      |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 09           |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 10 - 11      |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất    | 12 - 47      |

## CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thương Mại Phúc Thịnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102005808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2001.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đăng ký kinh doanh lần đầu tại ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 24 tháng 10 năm 2014.

**Trụ sở chính** : 2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

**Vốn điều lệ** : 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng).

**Vốn pháp định** : 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng).

Mã chứng khoán giao dịch **PTD**. Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 701/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 10 năm 2015.

#### 2. Lĩnh vực Kinh doanh

Thiết Kế, Xây Dựng, Thương Mại và Kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại; San lấp mặt bằng; Sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng; Xây dựng cầu đường; Sửa chữa và trang trí nội thất; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình thủy; Sửa chữa, bảo trì đồ điện; Đại lý; Thi công hệ thống cơ điện, phòng cháy chữa cháy; Thi công hệ thống cấp thoát nước; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Bán buôn sắt, thép; Sản xuất, lắp đặt khung, kèo thép; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31/12/2015 cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### **IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

##### **Hội đồng Quản trị**

|                    |                 |
|--------------------|-----------------|
| Ông Tô Khải Đạt    | Chủ tịch HĐQT   |
| Ông Bùi Quang Huân | Thành viên HĐQT |
| Ông Hồ Thanh Đức   | Thành viên HĐQT |
| Ông Trần Minh Trúc | Thành viên HĐQT |
| Ông Yang, Pei-Long | Thành viên HĐQT |

##### **Ban Tổng Giám Đốc**

|                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| Ông Tô Khải Đạt    | Tổng Giám Đốc     |
| Ông Bùi Quang Huân | Phó Tổng Giám Đốc |
| Ông Hồ Thanh Đức   | Phó Tổng Giám Đốc |
| Ông Trần Minh Trúc | Phó Tổng Giám Đốc |

##### **Ban Kiểm soát**

|                        |            |
|------------------------|------------|
| Bà Dương Thị Ngọc Thùy | Trưởng ban |
| Ông Trần Ngọc Tú       | Thành viên |
| Ông Hoàng Trường Giang | Thành viên |

##### **Kế toán trưởng**

|                     |                |
|---------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Vũ | Kế toán trưởng |
|---------------------|----------------|

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

#### **V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

## CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**TM. Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch HĐQT**



**Tô Khải Đạt**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Tô Khải Đạt**

Số : 79A...../BCKT/TC/2015/AASCS**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

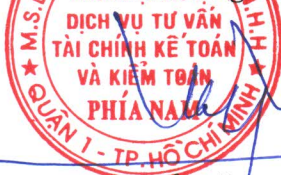
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám đốc****LÊ VĂN TUẤN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

**Kiểm toán viên****NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | SỐ CUỐI KỲ             | SỐ ĐẦU NĂM             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>126.605.639.139</b> | <b>101.238.459.592</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> |             | <b>13.243.176.385</b>  | <b>18.139.656.508</b>  |
| 1. Tiền  | 111        | V.1         | 5.881.038.001          | 11.200.723.646         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                  | 112        |             | 7.362.138.384          | 6.938.932.862          |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> | <b>V.2</b>  |                        |                        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>27.213.686.412</b>  | <b>50.004.963.885</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng            | 131        | V.3         | 15.394.416.898         | 18.580.527.166         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn            | 132        | V.4         | 5.340.703.983          | 28.927.982.829         |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                      | 136        | V.5         | 6.478.565.531          | 2.496.453.890          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>63.897.132.095</b>  | <b>18.608.199.670</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                | 141        | V.6         | 63.897.132.095         | 18.608.199.670         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>22.251.644.247</b>  | <b>14.485.639.529</b>  |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                     | 152        | V.12        | 22.251.644.247         | 14.485.639.529         |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                       | 155        | V.10        |                        |                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>35.871.486.594</b>  | <b>23.896.731.377</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>878.981.622</b>     | <b>6.304.400.831</b>   |
| 5. Phải thu dài hạn khác                       | 216        | V.5         | 878.981.622            | 6.304.400.831          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>33.067.068.665</b>  | <b>13.299.681.101</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.7         | 31.490.483.305         | 13.299.681.101         |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 39.114.213.246         | 17.018.791.831         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | 223        |             | (7.623.729.941)        | (3.719.110.730)        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | V.8         | 1.576.585.360          |                        |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 1.582.813.120          | 18.000.000             |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | 229        |             | (6.227.760)            | (18.000.000)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> |             |                        |                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>50.000.000</b>      |                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        |             | 50.000.000             |                        |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> |             |                        |                        |
| 1. Đầu tư vào công ty con                      | 251        |             |                        |                        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>1.875.436.307</b>   | <b>4.292.649.445</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.9         | 1.875.436.307          | 4.222.292.843          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 262        |             |                        | 70.356.602             |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>          | <b>270</b> |             | <b>162.477.125.733</b> | <b>125.135.190.969</b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

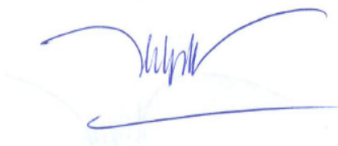
| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | SỐ CUỐI KỲ             | SỐ ĐẦU NĂM             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |             | <b>93.382.408.362</b>  | <b>62.304.667.776</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>93.314.110.288</b>  | <b>62.217.742.976</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 311        | V.11        | 48.764.346.907         | 36.444.001.366         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 312        |             | 1.276.682.911          | 1.083.047.600          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 313        | V.12        | 1.663.966.959          | 2.275.410.214          |
| 4. Phải trả người lao động                    | 314        |             | 6.359.228.000          | 5.677.268.000          |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD        | 317        |             | 9.571.010.322          | 14.452.880.000         |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                     | 319        | V.13        | 1.314.651.114          | 615.149.535            |
| 10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn              | 320        | V.14        | 21.800.000.000         |                        |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 322        |             | 2.564.224.075          | 1.669.986.261          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>68.298.074</b>      | <b>86.924.800</b>      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                      | 337        | V.13        | 28.000.000             | 86.924.800             |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả           | 341        |             | 40.298.074             |                        |
| <b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>   | <b>400</b> |             | <b>69.094.717.370</b>  | <b>62.830.523.193</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | V.15        | <b>69.094.717.370</b>  | <b>62.830.523.193</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        |             | 32.000.000.000         | 32.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết      | 411a       |             | 32.000.000.000         | 32.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |             | 11.512.000.000         | 11.512.000.000         |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                 | 417        |             | 385.875.450            | 87.256.521             |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                      | 418        |             | 2.682.284.415          | 1.776.946.601          |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNCPP) | 421        |             | 17.723.013.028         | 13.016.896.913         |
| - LNCPP lũy kế đến cuối năm trước             | 421a       |             | 4.502.651.724          | 3.940.503.080          |
| - LNCPP năm nay                               | 421b       |             | 13.220.361.304         | 9.076.393.833          |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát           | 429        |             | 4.791.544.477          | 4.437.423.158          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>         | <b>430</b> |             |                        |                        |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>       | <b>440</b> |             | <b>162.477.125.733</b> | <b>125.135.190.969</b> |

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Huỳnh Trúc Phương

Nguyễn Hoàng Vũ

Tô Khải Đạt



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>01</b> | VI.1        | <b>501.520.637.319</b> | <b>450.678.329.690</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | VI.2        |                        |                        |
| <b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> | VI.3        | <b>501.520.637.319</b> | <b>450.678.329.690</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                     | 11        | VI.4        | 453.185.702.554        | 417.543.450.698        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>48.334.934.765</b>  | <b>33.134.878.992</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | VI.5        | 911.510.878            | 926.218.133            |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22        | VI.6        | 993.015.520            | 252.059.970            |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                        | 23        |             | 980.988.252            | 248.496.624            |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên danh, liên kết.  | 24        |             |                        |                        |
| 9. Chi phí bán hàng                                     | 25        | VI.7        | 333.251.000            |                        |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26        | VI.7        | 30.096.552.844         | 21.777.404.288         |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>      | <b>30</b> |             | <b>17.823.626.279</b>  | <b>12.031.632.867</b>  |
| 12. Thu nhập khác                                       | 31        | VI.8        | 487.361.893            | 309.015.578            |
| 13. Chi phí khác  | 32        | VI.9        | 632.651.653            | 26.601.626             |
| <b>14. Lợi nhuận khác</b>                               | <b>40</b> |             | <b>(145.289.760)</b>   | <b>282.413.952</b>     |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>            | <b>50</b> |             | <b>17.678.336.519</b>  | <b>12.314.046.819</b>  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51        | VI.10       | 3.993.046.537          | 3.113.376.852          |
| 17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại                          | 52        | VI.11       | 110.654.676            | (70.356.602)           |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     | <b>60</b> |             | <b>13.574.635.306</b>  | <b>9.271.026.569</b>   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                   | <b>61</b> |             | 13.446.791.743         | 9.076.393.833          |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát      | <b>62</b> |             | 127.843.563            | 194.632.736            |
| <b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>                 | <b>70</b> | VI.12       | <b>4.202</b>           | <b>4.889</b>           |
| <b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)</b>              | <b>71</b> |             |                        |                        |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Huỳnh Trúc Phương

Nguyễn Hoàng Vũ

Tô Khải Đạt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                         |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> |             | <b>17.358.533.785</b>   | <b>12.314.046.819</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |           |             |                         |                         |
| - Khấu hao TSCĐ  | 02        |             | 1.433.333.372           | 1.231.864.300           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             |                         |                         |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        |             | (183.173.065)           | (18.965.838)            |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | 2.501.810.214           | (585.398.439)           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | 757.398.713             | 248.496.624             |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             |                         |                         |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                          | <b>08</b> |             | <b>21.867.903.019</b>   | <b>13.190.043.466</b>   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | 21.473.053.990          | (9.987.318.295)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | (44.931.882.728)        | 38.899.476.985          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |             | 7.983.200.425           | (40.499.078.879)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 3.671.542.552           | 783.406.127             |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (757.398.713)           | (248.496.624)           |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | (4.919.930.068)         | (5.068.536.634)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             |                         | 3.388.418.967           |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | (11.100.000)            | (8.939.897.526)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> |             | <b>4.375.388.477</b>    | <b>(8.481.982.413)</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                | 21        |             | (25.466.097.906)        | (11.712.442.116)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             | 22        |             | 249.746.666             | 62.852.363              |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             |                         | 214.260.505             |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27        |             | 526.091.582             | 529.666.212             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(24.690.259.658)</b> | <b>(10.905.663.036)</b> |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

**Năm 2015**

| Chỉ tiêu   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước             |
|--|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>             |           |             |                        |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31        |             |                        | 23.541.507.299        |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | 118.644.393.661        | 54.457.762.962        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (96.844.393.661)       | (54.357.762.962)      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                     | 36        |             | (6.500.809.050)        | (2.000.000.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> |             | <b>15.299.190.950</b>  | <b>21.641.507.299</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                          | <b>50</b> |             | <b>(5.015.680.231)</b> | <b>2.253.861.850</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                         | <b>60</b> |             | <b>18.139.656.508</b>  | <b>15.846.853.828</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |             | 119.200.108            | 38.940.830            |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                        | <b>70</b> | V.1         | <b>13.243.176.385</b>  | <b>18.139.656.508</b> |

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Trần Huỳnh Trúc Phương**

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Hoàng Vũ**

**Tổng Giám đốc**



**Tô Khải Đạt**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2015**

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thương Mại Phúc Thịnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102005808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2001.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đăng ký kinh doanh lần đầu tại ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 24 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính : 2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng).

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh** Thiết Kế, Xây Dựng, Thương Mại và Kinh doanh bất động sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại. San lấp mặt bằng. Sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế phần điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn xây dựng. Xây dựng cầu đường. Sửa chữa và trang trí nội thất. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình thủy. Sửa chữa, bảo trì đồ điện. Đại lý, môi giới, đấu giá. Thi công hệ thống cơ điện, phòng cháy chữa cháy. Thi công hệ thống cấp thoát nước. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, thiết bị xây dựng. Bán buôn sắt, thép. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, lắp đặt khung kèo thép. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính**

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng. Thị trường chủ yếu tập trung ở phía Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

#### **6. Cấu trúc tập đoàn**

##### **Công ty con**

- Tổng số các Công ty con : 01 Công ty

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất : 01 Công ty

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất :

## CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### - Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| <b>Công ty con</b>                     | <b>: Phuc Thinh (Cambodia) Corporation</b>   |                   |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
|--|--|-------------------|--------------------|-------------------|-------------------------------|-------|-----|---------------------------------------|-------|-----|------------------------------|-------|-----|
| Địa chỉ                                | : National Way 1, BavetKangdel Village, Sangkat Bavet City, Svay Rieng Province, Cambodia.   |                   |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
| Ngành nghề                             | : Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, thương mại và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị, công cụ và dụng cụ ngành xây dựng.  |                   |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
| Vốn góp của công ty mẹ vào công ty con | <b>: 6.261.000.000 đồng</b>  |                   |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
|  | <table><thead><tr><th></th><th><u>Số cuối năm</u></th><th><u>Số đầu năm</u></th></tr></thead><tbody><tr><td>Tỷ lệ góp vốn vào Công ty con</td><td>: 60%</td><td>60%</td></tr><tr><td>Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ</td><td>: 60%</td><td>60%</td></tr><tr><td>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</td><td>: 60%</td><td>60%</td></tr></tbody></table> |                   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> | Tỷ lệ góp vốn vào Công ty con | : 60% | 60% | Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ | : 60% | 60% | Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ | : 60% | 60% |
|  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u> |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
| Tỷ lệ góp vốn vào Công ty con          | : 60%  | 60%               |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
| Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ  | : 60%  | 60%               |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |
| Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ           | : 60%  | 60%               |                    |                   |                               |       |     |                                       |       |     |                              |       |     |

Công ty đầu tư vào công ty con theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 567/BKHĐ-ĐTRNN do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12/11/2012 chứng nhận Công ty đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án tại Campuchia với tên Phuc Thinh (Cambodia) Corporation với tổng vốn đầu tư là 500.000 USD tương đương 10.500.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Phuc Thinh (Cambodia) Corporation là 60% tương đương 300.000 USD.

Phuc Thinh (Campuchia) Corporation là Công ty hoạt động theo luật thương mại của Campuchia theo số đăng ký 3410 (ký tự Campuchia) được cấp bởi Bộ Thương Mại ngày 07/08/2012 và số đăng ký hoạt động kinh doanh 126 (ký tự Campuchia) được cấp bởi Bộ quản lý đất đai, quy hoạch và xây dựng đô thị ngày 27/09/2012.

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Toàn Tập đoàn có 123 nhân viên (1/1/2015: 110 nhân viên)**

## II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### 1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### 3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 4. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

### **III. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán cho các doanh nghiệp**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Xem thuyết minh VII.10.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **1 Cơ sở hợp nhất**

##### **a. Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

#### d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

#### e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

#### f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

#### g. Hoạt động ở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại Nước ngoài - Công ty Cổ phần Phúc Thịnh Campuchia (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá nếu có sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 31/12/2015 của KHR là 4.049 và của đồng US Dollar là 22.440 Ngày 31/12/2014 của KHR là 4.038 và của đồng US Dollar là 21.368.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

##### **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá hối đoái thực tế được áp dụng để quy đổi lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo được quyết định như sau:

+ Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch. Tiền gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty ký quỹ hoặc duy trì tài khoản ngân hàng.

+ Đối với các khoản phải trả tiền tệ (các khoản phải trả và các khoản vay): tỷ giá bán ngoại tệ vào ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

##### **Ghi nhận các khoản đầu tư:**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.



## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính : là phần xác định giá trị tổn thất

a. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

b. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết.

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, nhà đầu tư chỉ trích lập khoản dự phòng do Công ty liên doanh, liên kết bị lỗ nếu Báo cáo tài chính không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

- Riêng khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

#### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, được lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: Bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kén phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

##### Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 25 năm      |
| - Máy móc, thiết bị               | 02 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 07 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý        | 03 - 07 năm |

#### 7. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng tháng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng tháng vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn ... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

- Thặng dư vốn cổ phần

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

#### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thoả thuận của khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư và tư vấn giám sát chấp nhận.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. .

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

#### **- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **16. Tài sản tài chính**

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo KQHĐKD

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                   | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tiền</b>                       | <b>5.881.038.001</b>  | <b>11.200.723.646</b> |
| <b>+ Tiền mặt</b>                 | <b>362.604.377</b>    | <b>995.876.755</b>    |
| + VND                             | 78.746.751            | 838.542.255           |
| + KHR                             | 283.857.626           | 157.334.500           |
| <b>+ Tiền gửi ngân hàng</b>       | <b>5.518.433.624</b>  | <b>10.204.846.891</b> |
| <b>Tiền gửi VND</b>               | <b>5.449.834.768</b>  | <b>3.323.759.417</b>  |
| - VIBANK CN Thành phố             | 32.481.595            | 32.950.512            |
| - ACB CN Tân Bình                 | 5.412.939.262         | 3.290.808.905         |
| - MB CN Sài Gòn                   | 4.413.911             |                       |
| <b>Tiền gửi gốc ngoại tệ</b>      | <b>68.598.856</b>     | <b>6.881.087.474</b>  |
| <b>+ USD</b>                      | <b>68.598.856</b>     | <b>4.717.015.702</b>  |
| - VIBANK CN Thành phố             | 64.518.142            | 61.389.623            |
| - ACB CN Tân Bình                 | 4.080.714             | 4.655.626.079         |
| <b>+ KHR</b>                      |                       | <b>2.164.071.772</b>  |
| - Sacom bank - Cambodia           |                       | 2.164.071.772         |
| - Canadia Bank - Cambodia         |                       |                       |
| <b>Các khoản tương đương tiền</b> | <b>7.362.138.384</b>  | <b>6.938.932.862</b>  |
| <b>+ VND</b>                      | <b>5.734.608.490</b>  | <b>6.938.932.862</b>  |
| - ACB - CN Tân Bình               | 5.734.608.490         | 6.938.932.862         |
| <b>+ KHR</b>                      | <b>1.627.529.894</b>  |                       |
| - Sacom bank - Cambodia           | 546.517.898           |                       |
| - Canadia Bank - Cambodia         | 1.081.011.996         |                       |
| <b>Cộng</b>                       | <b>13.243.176.385</b> | <b>18.139.656.508</b> |



**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. Phải thu khách hàng**

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>                 |                              |                              |
| Công ty TNHH Cự Thành                                  | 4.965.266.664                |                              |
| Feettrend A  | 3.239.206.146                |                              |
| Jifa S.OK Garment Co., Ltd - Giai đoạn 3               | 5.551.180.048                |                              |
| Công ty TNHH Long Fa Việt Nam                          | -                            | 8.397.900.000                |
| Công ty TNHH Long Yi Industrial Việt Nam               | -                            | 3.545.374.140                |
| Công ty TNHH Liên doanh Nghị Phong                     | -                            | 3.967.554.600                |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn khác                      | 1.638.764.040                | 2.669.698.426                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>15.394.416.898</u></b> | <b><u>18.580.527.166</u></b> |
| <b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>                  |                              |                              |
|  |                              |                              |
| <b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> |                              |                              |
|  |                              |                              |

**4. Trả trước cho người bán**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| <b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b> |                             |                              |
| Công ty TNHH Nhôm Kiếng Hoàn Mỹ            | 535.546.107                 |                              |
| Đình Thị Thân                              | -                           | 20.070.000.000               |
| Cty TNHH Cơ khí & Xây lắp Anh Pha          | -                           | 4.455.324.966                |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn khác      | 4.805.157.876               | 4.402.657.863                |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>5.340.703.983</u></b> | <b><u>28.927.982.829</u></b> |
| <b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>  |                             |                              |
|  |                             |                              |
| <b>c) Trả trước cho các bên liên quan</b>  |                             |                              |
|  |                             |                              |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. Phải thu khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                   |                             |                             |
| - <b>Tạm ứng</b>                                     | <b>365.284.000</b>          | <b>230.319.573</b>          |
| + Nhân viên  | 365.284.000                 | 230.319.573                 |
| - <b>Ký cược, ký quỹ</b>                             | <b>5.619.122.358</b>        | <b>1.907.565.048</b>        |
| + Thực hiện công trình                               | 563.000.000                 | 1.907.565.048               |
| + Ký quỹ NH Sacombank (Phuc Thinh Cambodia Co., LTD) | 5.056.122.358               |                             |
| - <b>Phải thu khác</b>                               | <b>494.159.173</b>          | <b>358.569.269</b>          |
| + Phải thu khác                                      | 494.159.173                 | 358.569.269                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>6.478.565.531</u></b> | <b><u>2.496.453.890</u></b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                                    | <b>Số cuối năm</b>          | <b>Số đầu năm</b>           |
| - Ký quỹ, ký cược dài hạn thực hiện công trình       | 878.981.622                 | 6.304.400.831               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>878.981.622</u></b>   | <b><u>6.304.400.831</u></b> |

**6. HÀNG TỒN KHO**

|                    | <u>Số cuối năm</u>           |                 | <u>Số đầu năm</u>            |                 |
|--------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
|                    | <u>Giá gốc</u>               | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>               | <u>Dự phòng</u> |
| - Công cụ, dụng cụ | 181.045.237                  |                 | 289.212.531                  |                 |
| - Chi phí SXKDDD   | 63.500.736.492               |                 | 18.282.623.504               |                 |
| - Hàng hóa         | 215.350.366                  |                 |                              |                 |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>63.897.132.095</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>18.608.199.670</u></b> | <b><u>-</u></b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

| <b>Khoản mục</b>  | <b>Nhà cửa<br/>vật kiến trúc</b> | <b>Máy móc,<br/>thiết bị xây dựng</b> | <b>Phương tiện vận<br/>tải, truyền dẫn</b> | <b>Thiết bị<br/>quản lý</b> | <b>Tài sản khác</b>  | <b>Tổng cộng</b>      |
|---|----------------------------------|---------------------------------------|--|-----------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>   |                                  |                                       |  |                             |                      |                       |
| Số dư đầu năm   |                                  | <b>2.564.697.623</b>                  | <b>5.454.396.547</b>                       | <b>7.158.958.566</b>        | <b>1.840.739.095</b> | <b>17.018.791.831</b> |
| - Mua trong năm   | 20.805.777.100                   | 1.462.179.367                         |  | 213.606.570                 |                      | 22.481.563.037        |
| - Tăng/giảm do quy đổi tỷ giá   |                                  |                                       | 40.899.458                                 | 309.679.098                 | 87.096.608           | 437.675.164           |
| - Thanh lý, nhượng bán  |                                  |                                       | (414.929.455)                              |                             |                      | (414.929.455)         |
| - Tăng/giảm khác do phân loại   |                                  | 6.539.275.789                         |  | (6.948.163.120)             |                      | (408.887.331)         |
| Số dư cuối năm  | <b>20.805.777.100</b>            | <b>10.566.152.779</b>                 | <b>5.080.366.550</b>                       | <b>734.081.114</b>          | <b>1.927.835.703</b> | <b>39.114.213.246</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>   |                                  |                                       |  |                             |                      |                       |
| Số dư đầu năm   |                                  | <b>991.707.257</b>                    | <b>1.786.994.175</b>                       | <b>756.335.303</b>          | <b>184.073.995</b>   | <b>3.719.110.730</b>  |
| - Khấu hao trong năm  | 624.173.310                      | 250.454.715                           | 2.194.965.006                              | 90.148.315                  | 192.783.442          | 3.352.524.788         |
| - Tăng/giảm do quy đổi tỷ giá   |                                  |                                       | 17.254.675                                 | 16.432.497                  | 8.709.494            | 42.396.666            |
| - Thanh lý, nhượng bán  |                                  |                                       | (401.962.926)                              |                             |                      | (401.962.926)         |
| - Tăng/giảm khác do phân loại   |                                  | 1.376.384.971                         |  | (464.724.288)               |                      | 911.660.683           |
| Số dư cuối năm  | <b>624.173.310</b>               | <b>2.618.546.943</b>                  | <b>3.597.250.930</b>                       | <b>398.191.827</b>          | <b>385.566.931</b>   | <b>7.623.729.941</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>  |                                  |                                       |  |                             |                      |                       |
| - Tại ngày đầu năm  |                                  | 1.572.990.366                         | 3.667.402.372                              | 6.402.623.263               | 1.656.665.100        | <b>13.299.681.101</b> |
| - Tại ngày cuối năm   | 20.181.603.790                   | 7.947.605.836                         | 1.483.115.620                              | 335.889.287                 | 1.542.268.772        | <b>31.490.483.305</b> |
| - Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: |                                  |                                       |  |                             | 20.181.603.790       | VND                   |
| - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là                      |                                  |                                       |  |                             | 974.037.393          | VND                   |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| <b>Khoản mục</b>                | <b>Quyền sử dụng đất</b> | <b>Phát minh, bằng sáng chế</b> | <b>Phần mềm quản lý</b> | <b>Tài sản khác</b> | <b>Tổng cộng</b>     |
|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>               |                          |                                 |                         |                     |                      |
| Số dư đầu kỳ                    |                          |                                 | <b>18.000.000</b>       |                     | <b>18.000.000</b>    |
| - Mua trong năm                 | 1.508.080.000            |                                 | 74.733.120              |                     | 1.582.813.120        |
| - Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp |                          |                                 |                         |                     |                      |
| - Giảm khác                     |                          |                                 | (18.000.000)            |                     | (18.000.000)         |
| Số dư cuối kỳ                   | <b>1.508.080.000</b>     |                                 | <b>74.733.120</b>       |                     | <b>1.582.813.120</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>   |                          |                                 |                         |                     |                      |
| Số dư đầu năm                   |                          |                                 | <b>18.000.000</b>       |                     | <b>18.000.000</b>    |
| - Khấu hao trong kỳ             |                          |                                 | 6.227.760               |                     | 6.227.760            |
| - Giảm khác                     |                          |                                 | (18.000.000)            |                     | (18.000.000)         |
| Số dư cuối kỳ                   |                          |                                 | <b>6.227.760</b>        |                     | <b>6.227.760</b>     |
| <b>Giá trị còn lại</b>          |                          |                                 |                         |                     |                      |
| - Tại ngày đầu kỳ               |                          |                                 |                         |                     |                      |
| - Tại ngày cuối kỳ              | <b>1.508.080.000</b>     |                                 | <b>68.505.360</b>       |                     | <b>1.576.585.360</b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. Chi phí trả trước**

|                                       | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <b>a) Ngắn hạn</b>                    |                             |                             |
| <b>Cộng</b>                           |                             |                             |
| <b>b) Dài hạn</b>                     |                             |                             |
| + Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 459.046.827                 | 3.855.479.011               |
| + Chi phí sửa chữa văn phòng          | 91.703.464                  | 366.813.832                 |
| + Tiền thuê đất trả nhiều năm         | 1.324.686.016               |                             |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>1.875.436.307</u></b> | <b><u>4.222.292.843</u></b> |

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

|                    | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| <b>a) Ngắn hạn</b> |                    |                   |
| <b>Cộng</b>        |                    |                   |
| <b>b) Dài hạn</b>  |                    |                   |
| <b>Cộng</b>        |                    |                   |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. Phải trả người bán****11.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                      | Số cuối năm           |                       | Số đầu năm            |                       |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| <b>Cung cấp vật tư</b>               |                       |                       |                       |                       |
| Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan        | 4.340.542.500         | 4.340.542.500         | 270.947.500           | 270.947.500           |
| DNTN Minh Khuê                       | 1.464.831.479         | 1.464.831.479         | -                     | -                     |
| Công ty TNHH Xây dựng Phạm Quang     | 1.723.303.543         | 1.723.303.543         | 158.514.288           | 158.514.288           |
| CTCP Thép Quang Tiến                 | 5.328.043.476         | 5.328.043.476         | 340.909.214           | 340.909.214           |
| CTCP VLXD Thế Giới Nhà               | 2.031.865.001         | 2.031.865.001         | -                     | -                     |
| Công ty TNHH Tổng Thép Vạn Thành Đạt | 1.953.810.379         | 1.953.810.379         | -                     | -                     |
| Yi Rui Industrial Co., Ltd           | 1.975.270.000         | 1.975.270.000         | 1.975.270.000         | 1.975.270.000         |
| Nhà cung cấp khác                    | 15.711.018.502        | 15.711.018.502        | 12.450.811.898        | 12.450.811.898        |
| <b>Nhà thầu</b>                      |                       |                       |                       |                       |
| Cty TNHH Hưng Vĩnh Phát              | 856.986.233           | 856.986.233           | -                     | -                     |
| DNTN Cơ khí XD TM Nghĩa Phát         | 848.435.787           | 848.435.787           | 3.262.477.720         | 3.262.477.720         |
| Cty TNHH Cơ khí XD Phương Kha        | 3.643.770.046         | 3.643.770.046         | 353.966.216           | 353.966.216           |
| Cty TNHH DV TM Trần Minh             | 1.794.467.256         | 1.794.467.256         | -                     | -                     |
| Cty TNHH Nhà thép Trí Việt           | 1.791.746.000         | 1.791.746.000         | 3.089.610.632         | 3.089.610.632         |
| Nhà cung cấp khác                    | 5.300.256.705         | 5.300.256.705         | 14.541.493.898        | 14.541.493.898        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>48.764.346.907</b> | <b>48.764.346.907</b> | <b>36.444.001.366</b> | <b>36.444.001.366</b> |

**11.2. Phải trả người bán dài hạn****11.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán****11.4. Phải trả các bên liên quan**

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

| <b>a) Phải nộp</b> |                      |                              |                                 |                      |
|--------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------|
|                    | <b>Số đầu năm</b>    | <b>Số phải nộp trong năm</b> | <b>Số đã thực nộp trong năm</b> | <b>Cuối năm</b>      |
| - Thuế GTGT đầu ra |                      | 4.039.346.446                | 4.039.346.446                   |                      |
| - Thuế TNDN        | 1.788.145.372        | 4.121.967.922                | 4.732.660.343                   | 1.177.452.951        |
| - Thuế TNCN        | 487.264.842          | 889.403.500                  | 890.154.334                     | 486.514.008          |
| - Thuế tài nguyên  |                      |                              |                                 |                      |
| <b>Cộng</b>        | <b>2.275.410.214</b> | <b>9.050.717.868</b>         | <b>9.662.161.123</b>            | <b>1.663.966.959</b> |

| <b>b) Phải thu</b>   |                       |                              |                                 |                       |
|----------------------|-----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
|                      | <b>Số đầu năm</b>     | <b>Số phải thu trong năm</b> | <b>Số đã thực thu trong năm</b> | <b>Cuối năm</b>       |
| - Thuế GTGT khấu trừ | 14.485.639.529        | 39.479.236.315               | 47.245.241.003                  | 22.251.644.217        |
| <b>Cộng</b>          | <b>14.485.639.529</b> | <b>39.479.236.315</b>        | <b>47.245.241.003</b>           | <b>22.251.644.217</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. Phải trả khác**

|                                      | <b>Cuối năm</b>      | <b>Số đầu năm</b>  |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| <b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>     |                      |                    |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết        |                      |                    |
| - Kinh phí công đoàn                 | 598.494.920          | 505.276.920        |
| - Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp |                      |                    |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn      |                      |                    |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả         |                      |                    |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác  | 716.156.194          | 109.872.615        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>1.314.651.114</b> | <b>615.149.535</b> |
| <b>b) Phải trả dài hạn khác</b>      |                      |                    |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn       | 28.000.000           | 86.924.800         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>28.000.000</b>    | <b>86.924.800</b>  |
| <b>c) Nợ quá hạn chưa thanh toán</b> |                      |                    |
| <b>Cộng</b>                          |                      |                    |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

|                        | Số cuối năm           |                       | Phát sinh trong năm    |                       | Số đầu năm |                       |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                        | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                   | Giảm                  | Giá trị    | Số có khả năng trả nợ |
| <b>a. Vay ngắn hạn</b> | <b>21.800.000.000</b> | <b>21.800.000.000</b> | <b>106.261.485.247</b> | <b>84.461.485.247</b> |            |                       |
| - Việt Nam đồng        | 21.800.000.000        | 21.800.000.000        | 106.261.485.247        | 84.461.485.247        |            |                       |
| + Vay ngân hàng (*)    | 21.800.000.000        | 21.800.000.000        | 98.292.909.247         | 76.492.909.247        |            |                       |
| + Pháp nhân            |                       |                       | 7.968.576.000          | 7.968.576.000         |            |                       |
| - Đô la Mỹ             |                       |                       |                        |                       |            |                       |
| <b>b. Vay dài hạn</b>  |                       |                       |                        |                       |            |                       |
| Cộng                   | <b>21.800.000.000</b> | <b>21.800.000.000</b> | <b>106.261.485.247</b> | <b>84.461.485.247</b> |            |                       |

**c. Các khoản nợ thuê tài chính****d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Ghi chú: (\*) Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| Số HĐ vay              | Bên cho vay           | Thời hạn vay | Lãi suất (/năm) | Số dư nợ              | Hình thức đảm bảo khoản vay |
|------------------------|-----------------------|--------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------|
| TAB.DN.487.200115 ngày | Ngân hàng TMCP Á Châu | 06 tháng     | 8%              | 21.800.000.000        | Bất động sản                |
| <b>Cộng</b>            |                       |              |                 | <b>21.800.000.000</b> |                             |



**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

|                                    | Vốn góp của chủ<br>sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa phân<br>phối | Cộng                  |
|------------------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---|-----------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b>         | <b>10.000.000.000</b>     | <b>1.622.400.000</b>    | <b>58.773.420</b>             | <b>955.953.379</b>       | <b>4.225.888.475</b>               | <b>16.490.089.524</b>                   | <b>33.353.104.798</b> |
| - Tăng vốn trong năm               | 22.000.000.000            | 11.512.000.000          | 28.483.101                    |                          |                                    |   | 33.540.483.101        |
| - Giảm vốn trong năm (*)           |                           | (1.622.400.000)         |                               |                          |                                    | (10.000.000.000)                        | (11.622.400.000)      |
| - Lãi năm trước                    |                           |                         |                               |                          | 194.632.736                        | 9.076.393.833                           | 9.271.026.569         |
| - Chia cổ tức                      |                           |                         |                               |                          |                                    | (2.000.000.000)                         | (2.000.000.000)       |
| - Trích lập các quỹ                |                           |                         |                               | 820.993.222              |                                    | (1.641.986.444)                         | (820.993.222)         |
| - Thù lao HĐQT và BKS              |                           |                         |                               |                          |                                    | (530.000.000)                           | (530.000.000)         |
| - Tăng/giảm khác do quy đổi tỷ giá |                           |                         |                               |                          | 16.901.947                         | 1.622.400.000                           | 1.639.301.947         |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>           | <b>32.000.000.000</b>     | <b>11.512.000.000</b>   | <b>87.256.521</b>             | <b>1.776.946.601</b>     | <b>4.437.423.158</b>               | <b>13.016.896.913</b>                   | <b>62.830.523.193</b> |
| - Lãi trong năm                    |                           |                         |                               |                          | 127.843.563                        | 13.446.791.743                          | 13.574.635.306        |
| - Chia cổ tức                      |                           |                         |                               |                          |                                    | (6.400.000.000)                         | (6.400.000.000)       |
| - Trích lập các quỹ                |                           |                         |                               | 905.337.814              |                                    | (1.810.675.628)                         | (905.337.814)         |
| - Thù lao HĐQT và BKS              |                           |                         |                               |                          |                                    | (530.000.000)                           | (530.000.000)         |
| - Tăng/giảm khác do quy đổi tỷ giá |                           |                         | 298.618.929                   |                          | 226.277.756                        |   | 524.896.685           |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>           | <b>32.000.000.000</b>     | <b>11.512.000.000</b>   | <b>385.875.450</b>            | <b>2.682.284.415</b>     | <b>4.791.544.477</b>               | <b>17.723.013.028</b>                   | <b>69.094.717.370</b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                  | <u>Năm nay</u>               | <u>%</u>   | <u>Đầu năm</u>               |
|------------------|------------------------------|------------|------------------------------|
| Tô Khải Đạt      | 7.600.000.000                | 23,75      | 7.600.000.000                |
| Bùi Quang Huân   | 3.840.000.000                | 12,00      | 3.840.000.000                |
| Hồ Thanh Đức     | 1.600.000.000                | 5,00       | 1.576.100.000                |
| Trần Minh Trúc   | 1.600.000.000                | 5,00       | 1.600.000.000                |
| Yang, Phei-Long  | 200.000.000                  | 0,63       | 200.000.000                  |
| Nguyễn Hoàng Vũ  | 380.000.000                  | 1,19       | 380.000.000                  |
| Các cổ đông khác | 16.780.000.000               | 52,44      | 16.803.900.000               |
| <b>Cộng</b>      | <b><u>32.000.000.000</u></b> | <b>100</b> | <b><u>32.000.000.000</u></b> |

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                                    | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                |                  |
| + Vốn góp đầu năm                  | 32.000.000.000 | 10.000.000.000   |
| + Vốn góp tăng trong trong         |                | 22.000.000.000   |
| + Vốn góp cuối năm                 | 32.000.000.000 | 32.000.000.000   |
| <b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b> |                |                  |
| + Cổ tức được chia                 | 6.400.000.000  | 2.000.000.000    |

Trong năm 2014, công ty đã thực hiện tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 32 tỷ đồng. Việc tăng vốn của công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán theo quyết định số 4506/UBCK-QLPH ngày 07/08/2014 và quyết định số 5537/UBCL-QLPH ngày 10/10/2014.

**d. Cổ phiếu**

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--|----------------|----------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 3.200.000      | 3.200.000      |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.200.000      | 3.200.000      |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.200.000      | 3.200.000      |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      |                |                |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         |                |                |
| - Cổ phiếu phổ thông                   |                |                |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      |                |                |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 3.200.000      | 3.200.000      |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.200.000      | 3.200.000      |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      |                |                |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**e. Cổ tức****- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông | 20%            | 20%              |
| + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi    |                |                  |

**- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận****f. Các quỹ của doanh nghiệp**

|                                   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển           | 2.682.284.415      | 1.776.946.601     |
| - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp |                    |                   |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu   |                    |                   |

**g. Chênh lệch đánh giá lại tài sản****h. Chênh lệch tỷ giá****i. Nguồn kinh phí****16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

|                                  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>16.1. Tài sản thuê ngoài</b>  |                    |                   |
| <b>16.2. Tài sản nhận giữ hộ</b> |                    |                   |
| <b>16.3. Ngoại tệ các loại</b>   |                    |                   |
| + USD                            | 3.032,58           | 220.751,39        |
| + KHR                            | 51.218.339         | 468.417.960       |
| <b>16.4. Vàng ngoại tệ</b>       |                    |                   |
| <b>16.5. Nợ khó đòi đã xử lý</b> | 127.877.365        | 127.877.365       |

| <u>Đối tượng</u>                | <u>Giá trị</u>     | <u>Thời điểm xử lý</u> | <u>Nguyên nhân</u>                 |
|---------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------------------|
| Cty TNHH Chế Biến Gỗ Khánh Phát | 127.877.365        | 2012                   | Không làm việc được với khách hàng |
| <b>Cộng</b>                     | <b>127.877.365</b> |                        |                                    |

**16.6. Các thông tin khác**

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                                |                               |                               |
| Doanh thu bán hàng thương mại                   | 45.504.663.812                | 7.054.008.582                 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ và thiết kế giám sát | 22.033.510.031                | 1.779.998.773                 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng                     | 433.982.463.476               | 441.844.322.335               |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>501.520.637.319</u></b> | <b><u>450.678.329.690</u></b> |

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|----------------|------------------|
| Chiết khấu thương mại |                |                  |
| Giảm giá hàng bán     |                |                  |
| Hàng bán bị trả lại   |                |                  |
| <b>Cộng</b>           |                |                  |

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng thương mại                   | 45.504.663.812                | 7.054.008.582                 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ và thiết kế giám sát | 22.033.510.031                | 1.779.998.773                 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng                     | 433.982.463.476               | 441.844.322.335               |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>501.520.637.319</u></b> | <b><u>450.678.329.690</u></b> |

**4. Giá vốn hàng bán**

|                           | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn thương mại        | 31.377.511.693                | 5.105.730.396                 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp  | 13.708.656.344                | 818.402.085                   |
| Giá vốn thi công xây dựng | 408.099.534.517               | 411.619.318.217               |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>453.185.702.554</u></b> | <b><u>417.543.450.698</u></b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                         | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng  | 526.091.582        | 529.739.374        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá   | 385.419.296        | 390.746.532        |
| Lãi từ hoạt động đầu tư |                    | 5.732.227          |
| <b>Cộng</b>             | <b>911.510.878</b> | <b>926.218.133</b> |

**6. Chi phí tài chính**

|                           | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 981.050.832        | 248.496.624        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá      | 11.964.688         | 3.563.346          |
| <b>Cộng</b>               | <b>993.015.520</b> | <b>252.059.970</b> |

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                 | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b> |
|---------------------------------|--------------------|------------------|
| <b>7.1 Chi phí bán hàng</b>     |                    |                  |
| Các khoản chi phí bán hàng khác | 333.251.000        |                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b>333.251.000</b> |                  |

**7.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  |                       |                       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 3.454.758.653         | 14.323.920.240        |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý  | 17.603.369.290        | 962.102.813           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.401.103.115         | 897.392.955           |
| Thuế phí và lệ phí               |                       | 498.358.858           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.637.321.786         | 4.347.330.347         |
| Chi phí khác bằng tiền           |                       | 748.299.075           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>30.096.552.844</b> | <b>21.777.404.288</b> |

**8. Thu nhập khác**

|   | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|---|--------------------|--------------------|
| Thu tiền BH rủi ro thi công bê kính               | 10.000.000         |                    |
| Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, CCDC | 249.746.666        | 50.000.000         |
| Thu nhập khác                                     | 227.614.757        | 259.015.578        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>487.361.423</b> | <b>309.015.578</b> |

**9. Chi phí khác**

|   | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>  |
|---|--------------------|-------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 565.740.921        | 26.601.626        |
| Các khoản trích khấu hao vượt định mức  | 64.762.500         |                   |
| Chi phí khác                            | 2.147.762          |                   |
| <b>Cộng</b>                             | <b>632.651.183</b> | <b>26.601.626</b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|   | Năm nay               | Năm trước             |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>17.678.336.519</b> | <b>12.314.046.819</b> |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                       |                       |
| <b>+ Các khoản điều chỉnh tăng</b>  | <b>630.503.421</b>    | <b>198.404.448</b>    |
| - Truy thu, phạt thuế theo Quyết định Thuế  | 565.740.921           |                       |
| - Chi phí không hợp lệ  | -                     | 198.404.448           |
| - Khấu hao TSCĐ vượt quy định   | 64.762.500            |                       |
| <b>+ Các khoản điều chỉnh giảm</b>  | <b>183.173.065</b>    | <b>18.965.838</b>     |
| - Chênh lệch tạm thời - chênh lệch tỷ giá   | 183.173.065           |                       |
| - Thu nhập không chịu thuế  |                       | 18.965.838            |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>   | <b>18.125.666.875</b> | <b>12.493.485.429</b> |
| <b>Chuyển lỗ</b>  | <b>-</b>              |                       |
| <b>Thu nhập Ảnh hưởng bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế</b>                                | <b>-</b>              | <b>319.802.735</b>    |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>   | <b>18.125.666.875</b> | <b>12.813.288.164</b> |
| Thuế suất thông thường  | 22%                   | 22%                   |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>  | <b>3.993.046.537</b>  | <b>3.113.376.852</b>  |
| <i>Thuế TNDN Công ty CP TK XD TM Phúc Thịnh</i>   | <i>3.805.776.812</i>  | <i>2.596.424.461</i>  |
| <i>Thuế TNDN tính Công ty CP Phúc Thịnh Campuchia</i>   | <i>187.269.725</i>    | <i>516.952.391</i>    |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>   | <b>110.654.676</b>    | <b>(70.356.602)</b>   |
| <b>Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>  | <b>4.103.701.213</b>  | <b>3.043.020.250</b>  |

**11. Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

|   | Năm nay            | Năm trước |
|---|--------------------|-----------|
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (chênh lệch tỷ giá). | 40.000.000         |           |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại                     | 70.654.676         |           |
| <b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>   | <b>110.654.676</b> |           |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

|   | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông               | 13.446.791.743 | 9.076.393.833    |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế |                | 905.337.814      |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành         | 3.200.000      | 1.671.429        |
| <b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (*)</b>               | <b>4.202</b>   | <b>4.889</b>     |

(\*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|  | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | 211.758.883.673        | 174.434.486.601        |
| Chi phí nhân công  | 76.323.926.839         | 72.045.194.408         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                         | 7.302.964.037          | 862.856.624            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                | 202.456.719.489        | 159.386.896.591        |
| Chi phí khác bằng tiền                                   | 609.548.919            | 1.369.213.915          |
| <b>Cộng</b>  | <b>498.452.042.957</b> | <b>408.098.648.139</b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Áp dụng quy định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. Giao dịch với các bên liên quan****a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

|  |                     |
|--|---------------------|
| + Thu nhập của các thành viên chủ chốt | : 3.123.211.000 VND |
| + Giao dịch liên quan đến cổ phiếu     | : Không phát sinh.  |

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

| Bên liên quan       | Mối quan hệ                            |
|---------------------|--|
| Tô Khải Đạt         | Chủ tịch HĐQT                          |
| Ông Trần Minh Trúc  | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hoàng Vũ | Kế toán trưởng                         |
| Ông Trần Ngọc Tú    | Thành viên Ban kiểm soát               |

**i. Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:**

| Bên liên quan       | Nội dung nghiệp vụ                           | Năm nay        |
|---------------------|--|----------------|
| Ông Tô Khải Đạt     | + Cho Công ty mượn tiền bổ sung vốn lưu động | 12.382.908.414 |
|                     | + Công ty hoàn trả trả tiền mượn             | 12.382.908.414 |
| Ông Trần Minh Trúc  | + Công ty chi tạm ứng                        | 33.224.800     |
|                     | + Hoàn trả tạm ứng cho Công ty               | 33.224.800     |
| Ông Nguyễn Hoàng Vũ | + Hoàn trả tạm ứng cho Công ty               | 10.000.000     |
| Ông Trần Ngọc Tú    | + Công ty chi tạm ứng                        | 50.000.000     |
|                     | + Hoàn trả tạm ứng cho Công ty               | 20.000.000     |

**- Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan như sau:**

| Bên liên quan    | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------|--------------------|-------------|------------|
| Ông Trần Ngọc Tú | Tạm ứng            | 71.000.000  | 35.600.000 |



**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. Thuê hoạt động**

Công ty thuê văn phòng tại số 2 Cộng Hòa, Quận Tân Bình Tp.Hồ Chí Minh.

**4. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**a. Khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động chủ yếu tại các tỉnh phía Nam Việt Nam và hoạt động ở thị trường Campuchia thông qua đầu tư dưới hình thức Công ty con.

|                         | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu tại Việt Nam  | 477.922.421.665        | 397.972.490.230        |
| Doanh thu tại Campuchia | 23.598.215.654         | 52.705.839.460         |
| <b>Cộng</b>             | <b>501.520.637.319</b> | <b>450.678.329.690</b> |

**b. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thi công, xây lắp, cung cấp các dịch vụ thiết kế, giám sát, dịch vụ khác và thương mại. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh như sau:

- + Bộ phận thi công xây lắp : Xây dựng nhà các loại
- + Bộ phận dịch vụ : Cung cấp các dịch vụ thiết kế, giám sát công trình và dịch vụ khác
- + Bộ phận thương mại : Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điện, vật liệu điện.

|                             | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thi công xây dựng | 433.982.463.476        | 390.149.072.934        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 1.713.954.091          | 810.968.503            |
| Doanh thu thương mại        | 65.824.219.752         | 59.718.288.253         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>501.520.637.319</b> | <b>450.678.329.690</b> |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

|                              | Giá trị sổ sách       |          |                       |          | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|-----------------------|-----------------------|
|                              | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|                              | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |                       |                       |
| <b>Tài sản tài chính</b>     |                       |          |                       |          |                       |                       |
| Tiền và tương đương tiền     | 13.243.176.385        |          | 18.139.656.508        |          | 13.243.176.385        | 18.139.656.508        |
| Phải thu khách hàng          | 15.394.416.898        |          | 15.394.416.898        |          | 15.394.416.898        | 15.394.416.898        |
| Các khoản phải thu khác      | 6.478.565.531         |          | 2.496.453.890         |          | 6.478.565.531         | 2.496.453.890         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>35.116.158.814</b> | <b>-</b> | <b>36.030.527.296</b> | <b>-</b> | <b>35.116.158.814</b> | <b>36.030.527.296</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b> |                       |          |                       |          |                       |                       |
| Vay và nợ                    | 21.800.000.000        |          | -                     |          | 21.800.000.000        | -                     |
| Phải trả cho người bán       | 48.764.346.907        |          | 36.444.001.366        |          | 48.764.346.907        | 36.444.001.366        |
| Phải trả người lao động      | 6.359.228.000         |          | 5.677.268.000         |          | 6.359.228.000         | 5.677.268.000         |
| Các khoản phải trả khác      | 10.913.661.436        |          | 15.154.954.335        |          | 10.913.661.436        | 15.154.954.335        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>87.837.236.343</b> | <b>-</b> | <b>57.276.223.701</b> | <b>-</b> | <b>87.837.236.343</b> | <b>57.276.223.701</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### **6. RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **7. RỦI RO THANH TOÁN**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7. RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)**

|                         | <b>Bất kỳ thời<br/>điểm nào</b> | <b>Từ 01 năm<br/>trở xuống</b> | <b>Trên 01 năm<br/>đến 05 năm</b> | <b>Trên 05 năm</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>Số đầu năm</b>       |                                 |                                |                                   |                    |                       |
| Vay và nợ               |                                 | -                              |                                   |                    | -                     |
| Phải trả cho người bán  |                                 | 36.444.001.366                 |                                   |                    | 36.444.001.366        |
| Phải trả người lao động |                                 | 5.677.268.000                  |                                   |                    | 5.677.268.000         |
| Chi phí phải trả        |                                 | -                              |                                   |                    | -                     |
| Các khoản phải trả khác |                                 | 15.068.029.535                 | 86.924.800                        |                    | 15.154.954.335        |
| <b>Cộng</b>             | <b>-</b>                        | <b>57.189.298.901</b>          | <b>86.924.800</b>                 | <b>-</b>           | <b>57.276.223.701</b> |
| <b>Số cuối năm</b>      |                                 |                                |                                   |                    |                       |
| Vay và nợ               |                                 | 21.800.000.000                 | -                                 |                    | 21.800.000.000        |
| Phải trả cho người bán  |                                 | 48.764.346.907                 |                                   |                    | 48.764.346.907        |
| Phải trả người lao động |                                 | 6.359.228.000                  |                                   |                    | 6.359.228.000         |
| Chi phí phải trả        |                                 | -                              |                                   |                    | -                     |
| Các khoản phải trả khác |                                 | 10.913.661.436                 |                                   |                    | 10.913.661.436        |
| <b>Cộng</b>             | <b>-</b>                        | <b>87.837.236.343</b>          | <b>-</b>                          | <b>-</b>           | <b>87.837.236.343</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## **CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

#### **8. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

##### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **9. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

#### **10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất.

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Trong năm có sự thay đổi trong việc trình bày số dư đầu kỳ chuyển sang có thay đổi do nguyên nhân sau:**

1. Một số khoản mục được trình bày lại trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015 cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

| Tên Tài khoản          | Mã số<br>TT200/QĐ15 | Theo Thông ty<br>200/2014/TT-<br>BTC | Theo Quyết định<br>15/2016/QĐ-BTC | Chênh lệch      |
|------------------------|---------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Phải thu ngắn hạn khác | 135/136             | 2.496.453.890                        | 358.569.269                       | 2.137.884.621   |
| Tài sản ngắn hạn khác  | 155/158             | -                                    | 2.137.884.621                     | (2.137.884.621) |
| Phải thu dài hạn khác  | 216/218             | 6.304.400.831                        |                                   | 6.304.400.831   |
| Tài sản dài hạn khác   | 216/268             |                                      | 6.304.400.831                     | (6.304.400.831) |
| Quỹ đầu tư phát triển  | 418/417             | 1.776.946.601                        |                                   | 1.776.946.601   |
| Quỹ dự phòng tài chính | Không có/418        |                                      | 1.776.946.601                     | (1.776.946.601) |

2. Một số khoản mục được trình bày lại trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014 do điều chỉnh các khoản mục thay đổi của năm trước làm ảnh hưởng số dư đầu kỳ chuyển sang tại ngày 01/01/2015 trên báo cáo tài chính như sau :

Điều chỉnh giảm khoản mục " Thặng dư vốn cổ phần" là lãi tiền gửi của các cổ đông góp vốn mua cổ phần , tăng khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" do hạch toán tăng lãi tiền gửi số tiền 29.507.299 đồng.

Điều chỉnh giảm khoản mục " Lợi nhuận chưa phân phối" tăng khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp" do hạch toán tăng thuế phải nộp của khoản lãi tiền gửi ngân hàng tương ứng số tiền 6.491.606 đồng.

**Các thay đổi được trình bày như sau:****2.1. Ảnh hưởng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015**

| Khoản mục                   | Số dư tại ngày<br>01/01/2015<br>chưa điều chỉnh | Số điều chỉnh | Số dư tại ngày<br>01/01/2015 đã<br>chỉnh | MS  |
|-----------------------------|---|---------------|--|-----|
| 1. Thuế và khoản phải nộp   | 2.268.918.608                                   | 2.175.698     | 2.271.094.306                            | 313 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần     | 11.541.507.299                                  | (29.507.299)  | 11.512.000.000                           | 412 |
| 3. Lợi nhuận chưa phân phối | 12.935.449.140                                  | 23.015.693    | 12.958.464.833                           | 421 |

**2.2 Ảnh hưởng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2014**

| Khoản mục   | Mã số<br>TT200/QĐ15 | Số sau điều chỉnh | Số chưa điều chỉnh | Chênh lệch |
|---|---------------------|-------------------|--------------------|------------|
| 1. Doanh thu hoạt động tài chính                    | 21/21               | 926.218.133       | 896.710.834        | 29.507.299 |
| 2. Chi phí thuế TNDN hiện hành                      | 51/51               | 3.113.376.852     | 3.106.885.246      | 6.491.606  |
| 3. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ chưa phân phối | 61/61               | 9.076.393.833     | 9.053.378.140      | 23.015.693 |
| 4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                         | 70/70               | 4.889             | 5.417              | (528)      |

**CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON**

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2.3 Ảnh hưởng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014**

| <b>Khoản mục</b>  | <b>Mã số<br/>TT200/QĐ15</b> | <b>Số sau điều chỉnh</b> | <b>Số chưa điều chỉnh</b> | <b>Chênh lệch</b> |
|---|-----------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|
| Lợi nhuận trước thuế                                      | 01/01                       | 12.314.046.819           | 12.284.539.520            | 29.507.299        |
| Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư                                | 05/05                       | (585.398.439)            | (55.732.227)              | (529.666.212)     |
| Tăng giảm các khoản phải thu                              | 09/09                       | (9.987.318.295)          | (9.957.810.996)           | (29.507.299)      |
| Thu tiền từ lãi cho vay, cổ tức<br>và lợi nhuận được chia | 27/27                       | 529.666.212              | -                         | 529.666.212       |

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu****Trần Huỳnh Trúc Phương****Kế toán trưởng****Nguyễn Hoàng Vũ****Tổng Giám đốc****Tô Khải Đạt**